

CÔNG TY CỔ PHẦN LONG HẬU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 12/2017/CB-LHC-TCKT

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh**

Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Long Hậu

Tên viết tắt: LHG

Địa chỉ trụ sở chính: Ấp 3, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An.

Điện thoại: +84-8-3781 8929

Fax: +84-8-3781 8940

Website: www.longhau.com.vn

Người được ủy quyền CBTT: Phạm Thị Như Anh

Chức danh: Phó Tổng Giám Đốc

Loại thông tin công bố:

Định kỳ 24h 72h Theo yêu cầu Khác

Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Long Hậu thông báo đến Quý cổ đông Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán.

Chúng tôi xin cam kết những thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung thông tin đã công bố. *ch*

Long An, ngày 24 tháng 03 năm 2017
Người được Ủy quyền Công bố thông tin
Phó Tổng Giám Đốc

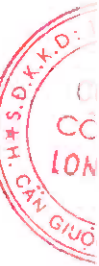
Nơi nhận:
-Như trên
-Lưu TCKT.



Phạm Thị Như Anh

CÔNG TY CỔ PHẦN LONG HẬU

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**



CÔNG TY CỔ PHẦN LONG HẬU

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 – DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 – DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 – DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 – DN)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN LONG HẬU

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh Số 5003000142 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp lần đầu ngày 23 tháng 5 năm 2006 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh lần thứ 15, gần nhất, ngày 3 tháng 7 năm 2014

Hội đồng Quản trị	Ông Tê Trí Dũng	Chủ tịch (từ ngày 28 tháng 3 năm 2016)
	Ông Nguyễn Việt Dũng	Chủ tịch (cho đến ngày 28 tháng 3 năm 2016)
	Ông Trần Hồng Sơn	Thành viên
	Ông Nguyễn An Toàn	Thành viên
	Ông Trịnh Cường	Thành viên
	Bà Phạm Thị Như Anh Ông Lê Mạnh Thường	Thành viên Thành viên (từ ngày 28 tháng 3 năm 2016)
Ông Nguyễn Trường Bảo Khánh	Thành viên (từ ngày 28 tháng 3 năm 2016)	
Ban Kiểm soát	Bà Đoàn Thị Minh Trang	Trưởng ban (từ ngày 28 tháng 3 năm 2016)
	Ông Lê Ngọc Hùng	Thành viên (từ ngày 28 tháng 3 năm 2016)
	Ông Nguyễn Anh Huy	Thành viên (từ ngày 28 tháng 3 năm 2016)
	Ông Nguyễn Nguyên Khương	Thành viên (cho đến ngày 28 tháng 3 năm 2016)
	Bà Trần Thanh Lan	Thành viên (cho đến ngày 28 tháng 3 năm 2016)
Ban Tổng Giám đốc	Ông Trần Hồng Sơn Bà Phạm Thị Như Anh	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
	Người đại diện theo pháp luật	Ông Trần Hồng Sơn
Trụ sở chính	Ấp 3, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An	
Kiểm toán viên	Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam	

CÔNG TY CỔ PHẦN LONG HẬU

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Long Hậu ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 49. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Hồng Sơn
Tổng Giám đốc

Tỉnh Long An, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 21 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LONG HẬU

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Long Hậu (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2016, và được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt ngày 21 tháng 3 năm 2017. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 49.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi một đơn vị kiểm toán khác mà báo cáo kiểm toán của họ đề ngày 18 tháng 3 năm 2016 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Như một phần của cuộc kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, chúng tôi đã kiểm toán những điều chỉnh được mô tả trong Thuyết minh 40 được áp dụng để trình bày lại báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Theo ý kiến của chúng tôi, những điều chỉnh này là hợp lý và đã được áp dụng thích hợp. Ngoài việc kiểm tra những điều chỉnh này, chúng tôi không thực hiện kiểm toán, soát xét hay áp dụng bất kỳ thủ tục kiểm toán nào đối với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty và theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến hay một hình thức đảm bảo nào khác về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 xét trên phương diện tổng thể.

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam



Mai Viết Hùng Trần
Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0048-2016-003-1
Chữ ký được ủy quyền



Lương Thị Ánh Tuyết
Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3048-2014-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM5810
TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2017

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN LONG HẬU

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2016 VND	2015 VND (Trình bày lại – Thuyết minh 40)
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		902.996.302.997	771.889.087.678
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	254.522.598.289	127.671.781.766
111	Tiền		46.862.970.955	23.981.520.319
112	Các khoản tương đương tiền		207.659.627.334	103.690.261.447
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		12.441.644.892	1.513.022.589
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	12.441.644.892	1.513.022.589
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		418.892.720.761	362.549.984.279
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5(a)	290.594.367.049	343.492.265.580
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	14.616.277.173	9.400.180.870
136	Phải thu ngắn hạn khác	7	138.542.669.949	9.902.992.374
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(24.860.593.410)	(245.454.545)
140	Hàng tồn kho	9	216.299.299.908	277.287.468.266
141	Hàng tồn kho		216.299.299.908	277.287.468.266
150	Tài sản ngắn hạn khác		840.039.147	2.866.830.778
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		840.039.147	2.866.830.778
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		623.638.686.392	606.924.517.987
210	Các khoản phải thu dài hạn		2.520.338.400	19.061.424.948
211	Phải thu dài hạn của khách hàng	5(b)	2.520.338.400	19.061.424.948
215	Phải thu về cho vay dài hạn	8	5.000.000.000	5.000.000.000
219	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	8	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
220	Tài sản cố định		49.288.396.992	53.246.153.353
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	49.051.060.885	52.875.903.878
222	Nguyên giá		83.521.420.136	83.810.517.052
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(34.470.359.251)	(30.934.613.174)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	237.336.107	370.249.475
228	Nguyên giá		1.313.589.480	1.313.589.480
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.076.253.373)	(943.340.005)
230	Bất động sản đầu tư	11	293.609.735.474	297.102.407.410
231	Nguyên giá		403.915.333.289	385.707.683.756
232	Giá trị hao mòn lũy kế		(110.305.597.815)	(88.605.276.346)
240	Tài sản dở dang dài hạn		51.028.947.820	49.979.901.622
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	51.028.947.820	49.979.901.622
250	Đầu tư tài chính dài hạn	4(b)	225.158.000.000	185.127.000.000
252	Đầu tư vào các công ty liên kết		145.528.000.000	104.672.000.000
253	Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		106.305.000.000	107.130.000.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(26.675.000.000)	(26.675.000.000)
260	Tài sản dài hạn khác		2.033.267.706	2.407.630.654
261	Chi phí trả trước dài hạn		2.033.267.706	2.407.630.654
270	TỔNG TÀI SẢN		1.526.634.989.389	1.378.813.605.665

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 49 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2016 VND	2015 VND (Trình bày lại – Thuyết minh 40)
300	NỢ PHẢI TRẢ		856.492.241.015	828.525.524.269
310	Nợ ngắn hạn		541.824.588.882	576.331.192.544
311	Phải trả người bán ngắn hạn	13	11.312.303.719	10.827.004.239
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	76.827.069.658	23.125.307.159
313	Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	15	9.039.816.091	6.869.920.936
314	Phải trả người lao động		5.268.223.178	4.825.823.678
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	16	364.133.072.267	402.216.248.291
319	Phải trả ngắn hạn khác	17(a)	47.277.232.987	35.992.237.747
320	Vay ngắn hạn	18	21.600.000.000	87.030.452.985
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.366.870.982	5.444.197.509
330	Nợ dài hạn		314.667.652.133	252.194.331.725
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		881.702.129	1.118.290.136
337	Phải trả dài hạn khác	17(b)	54.857.357.688	25.513.981.547
338	Vay dài hạn	18	49.540.000.000	48.140.000.000
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	19	209.388.592.316	177.422.060.042
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		670.142.748.374	550.288.081.396
410	Vốn chủ sở hữu		670.142.748.374	550.288.081.396
411	Vốn góp của chủ sở hữu	20, 21	260.826.270.000	260.826.270.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	21	260.826.270.000	260.826.270.000
415	Cổ phiếu quỹ	21	(721.980.000)	(721.980.000)
418	Quỹ đầu tư phát triển	21	79.295.744.256	79.295.744.256
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	21	330.742.714.118	210.888.047.140
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		165.260.772.335	141.291.928.143
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		165.481.941.783	69.596.118.997
440	TỔNG NGUỒN VỐN		1.526.634.989.389	1.378.813.605.665



Nguyễn Tấn Phong
Người lập



Phạm Thị Như Anh
Kế toán trưởng



Trần Hồng Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 49 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2016 VND	2015 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	609.127.449.863	298.476.042.069
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(128.902.352.885)	(66.248.220.352)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	480.225.096.978	232.227.821.717
11	Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	(206.873.788.651)	(131.853.720.697)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	273.351.308.327	100.374.101.020
21	Doanh thu hoạt động tài chính	18.982.459.848	6.757.021.543
22	Chi phí tài chính	(8.875.296.679)	(21.515.030.136)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(7.575.744.478)	(17.001.982.989)
25	Chi phí bán hàng	(15.167.084.128)	(8.312.993.046)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(73.790.610.459)	(43.712.935.690)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	194.500.776.909	33.590.163.691
31	Thu nhập khác	5.373.948.213	1.709.152.615
32	Chi phí khác	(2.426.251.065)	(1.183.343.576)
40	Lợi nhuận khác	2.947.697.148	525.809.039
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	197.448.474.057	34.115.972.730
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	(1.694.608.107)
52	(Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(31.966.532.274)	37.174.754.374
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	165.481.941.783	69.596.118.997
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.362	2.430
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	6.362	2.430

Nguyễn Tấn Phong
Người lập

Phạm Thị Như Anh
Kế toán trưởng

Trần Hồng Sơn
Tổng Giám đốc
Ngày 21 tháng 3 năm 2017


Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 49 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế	197.448.474.057	34.115.972.730
Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư	26.723.875.966	27.185.099.818
03	Các khoản dự phòng	24.615.138.865	7.182.062.234
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(169.461.128)	396.942.964
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(18.361.597.962)	(5.913.018.128)
06	Chi phí lãi vay	7.575.744.478	17.001.982.989
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	237.832.174.276	79.969.042.607
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(64.419.273.939)	76.936.846.793
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho	60.988.168.358	(5.138.981.217)
11	Tăng các khoản phải trả	48.243.532.186	22.861.629.144
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước	2.401.154.579	(854.459.071)
14	Tiền lãi vay đã trả	(7.740.137.393)	(17.121.269.314)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(5.478.323.414)	(4.780.954.429)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	271.827.294.653	151.871.854.513
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(10.677.902.008)	(3.364.699.064)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	1.518.500.000	-
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng	(10.928.622.303)	165.351.553
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(125.528.000.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	96.375.000.000	-
27	Thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	7.259.639.835	9.588.018.128
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(41.981.384.476)	6.388.670.617
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	23.000.000.000	16.640.000.000
34	Chi trả nợ gốc vay	(87.030.452.985)	(119.672.514.809)
36	Chi trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu	(39.221.382.200)	(46.719.847.500)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(103.251.835.185)	(149.752.362.309)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	126.594.074.992	8.508.162.821
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	127.671.781.766	118.805.441.745
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	256.741.531	358.177.200
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	254.522.598.289	127.671.781.766

Các giao dịch trọng yếu không sử dụng tiền mặt trong năm tài chính được trình bày ở Thuyết minh 34.


Nguyễn Tấn Phong
Người lập


Phạm Thị Như Anh
Kế toán trưởng


Trần Hồng Sơn
Tổng Giám đốc
Ngày 21 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 49 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Long Hậu (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5003000142 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp ngày 23 tháng 5 năm 2006. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần và gần nhất là lần thay đổi thứ mười lăm, ngày 3 tháng 7 năm 2014.

Vào ngày 1 tháng 12 năm 2006, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đầu tư (“GCNĐT”) số 50221000001 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Long An cấp để được quyền phát triển Khu Công nghiệp Long Hậu (“KCN Long Hậu 1”) và cho thuê lại đất đã phát triển cơ sở hạ tầng. GCNĐT này được điều chỉnh lần thứ 2 vào ngày 26 tháng 7 năm 2012.

Vào ngày 11 tháng 6 năm 2009, Công ty nhận được GCNĐT số 50221000150 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Long An cấp để phát triển Khu Công nghiệp Long Hậu – Giai đoạn mở rộng (“KCN 2” hay “KCN Long Hậu Mở rộng”) và cho thuê lại đất đã phát triển cơ sở hạ tầng. GCNĐT này được điều chỉnh lần thứ 2 vào ngày 26 tháng 7 năm 2012.

Vào ngày 3 tháng 7 năm 2009, Công ty nhận được GCNĐT số 50221000156 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Long An cấp để xây dựng Khu lưu trú 5 tầng bên trong Khu Công nghiệp Long Hậu 1 (“Khu lưu trú”). GCNĐT này được điều chỉnh lần thứ 2 vào ngày 26 tháng 7 năm 2012.

Vào ngày 7 tháng 8 năm 2009, Công ty nhận được GCNĐT số 50121000141 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Long An cấp để đầu tư xây dựng Khu dân cư – tái định cư (“Khu dân cư”) tại Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An.

Vào ngày 28 tháng 7 năm 2016, Công ty nhận được GCNĐT số 4414381603 do Ban Quản lý Khu Kinh tế Long An cấp để đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu Công nghiệp Long Hậu 3 - Giai đoạn 1 (“KCN Long Hậu 3”) tại Ấp 3, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là LHG theo Quyết định số 48/QĐ-SGDHCM ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh mới nhất là xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; mua bán vật liệu xây dựng; cung cấp dịch vụ tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm; cung ứng và quản lý lao động; giáo dục mầm non, quảng cáo; xây dựng hệ thống cấp thoát nước, thủy lợi; sản xuất nước tinh khiết đóng chai; mua bán nhà ở, chung cư, nhà xưởng, kho, bến bãi, bãi đỗ xe, cho thuê đất, cho thuê nhà, cho thuê nhà xưởng; kinh doanh bán lẻ xăng dầu; san lấp mặt bằng; môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất; dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp; thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng, tư vấn giám sát thi công công trình xây dựng – hoàn thành công trình dân dụng và công nghiệp; hoạt động tư vấn đầu tư; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; kho bãi và lưu trữ hàng hóa; dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan; đầu tư xây dựng, kinh hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư, tư vấn đầu tư, xây dựng, xây dựng giao thông; trang trí nội thất và ngoại thất; xử lý chất thải công nghiệp và vệ sinh công nghiệp; dịch vụ khám chữa bệnh; dịch vụ tư vấn quản lý chất lượng và môi trường, dịch vụ quan trắc môi trường.

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 2 công ty liên kết như được trình bày trong Thuyết minh 4(b) - Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 112 nhân viên (2015: 106 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên các báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VND" hay "Đồng").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.5 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho chủ yếu bao gồm chi phí phát triển khu công nghiệp, khu dân cư và khu chuyên gia chuyển đổi.

(i) Khu công nghiệp

Chi phí phát triển khu công nghiệp được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển khu công nghiệp. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành khu công nghiệp và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

(ii) Khu dân cư và khu chuyên gia chuyển đổi

Hàng tồn kho, chủ yếu là bất động sản được mua hoặc đang được xây dựng để bán trong điều kiện kinh doanh bình thường, hơn là nắm giữ nhằm mục đích cho thuê hoặc chờ tăng giá, được nắm giữ như là hàng tồn kho và được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành bao gồm giá trị quyền sử dụng đất; chi phí xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng; và chi phí lập kế hoạch, thiết kế, chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí cho các dịch vụ pháp lý chuyên nghiệp, thuế chuyển nhượng bất động sản, chi phí xây dựng và các chi phí khác có liên quan.

Giá thành của hàng tồn kho được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh đối với nghiệp vụ bán được xác định theo các chi phí cụ thể phát sinh của bất động sản bán đi và phân bổ các chi phí chung dựa trên diện tích tương đối của bất động sản bán đi.

Tiền hoa hồng không hoàn lại trả cho đại lý tiếp thị hoặc bán hàng trong việc bán các lô bất động sản được ghi nhận vào chi phí khi thanh toán.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán và chiết khấu cho giá trị thời gian của tiền tệ (nếu trọng yếu) trừ chi phí ước tính để hoàn thành khu dân cư – tái định cư và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.7 Đầu tư****(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

(b) Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phân ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	25 năm
Máy móc thiết bị	5 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị quản lý	3 - 5 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 9 năm
Quyền sử dụng đất (*)	10 năm
Phần mềm máy tính, bản quyền	3 - 5 năm
Giấy phép nhượng quyền	9 năm

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.8 Tài sản cố định (tiếp theo)

- (*) Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy Ban Nhân dân Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An cấp ngày 2 tháng 2 năm 2005, Công ty được cấp quyền sử dụng đất trong vòng 49 năm.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với tài sản đủ điều kiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.9 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 Bất động sản đầu tư

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong thời gian sử dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà xưởng	15 năm
Khu lưu trú	25 năm

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.12 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

2.13 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được xây dựng/sản xuất và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.14 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.16 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước chủ yếu bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai.

2.17 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị huỷ bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.18 Phân chia lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

2.19 Chia cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.20 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng

Doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng chủ yếu đến từ KCN Long Hậu 1 và KCN Long Hậu 2. KCN Long Hậu 3 vẫn đang trong quá trình xây dựng và phát triển.

Trường hợp thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Công ty ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- (i) Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và doanh nghiệp cho thuê không có nghĩa vụ trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- (ii) Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- (iii) Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê;
- (iv) Doanh nghiệp cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Trong năm 2015, Công ty ghi nhận doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng theo hướng dẫn của Công văn số 3286/BTC (“Công văn 3286”) ngày 11 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính. Theo đó, nếu hợp đồng thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu dụng của tài sản và đáp ứng đồng thời các điều kiện (i), (iii), và (iv) nêu trên thì doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng được ghi nhận theo số tiền thực thu.

(b) Doanh thu bán đất nền Khu dân cư

Việc ghi nhận doanh thu bán đất nền khu dân cư phải đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Đất nền đã hoàn thành toàn bộ và giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đất nền cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý đất nền như người sở hữu đất nền hoặc quyền kiểm soát đất nền;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán đất nền; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán đất nền.

(b) Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu bao gồm cho thuê nhà xưởng và khu lưu trú được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.20 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(d) Doanh thu dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(e) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(f) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.21 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

2.22 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.23 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn vào các công ty liên kết, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái, và chiết khấu thanh toán.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.24 Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, chủ yếu bao gồm chi phí môi giới, quảng cáo sản phẩm, và hoa hồng bán hàng.

2.25 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; và chi phí bằng tiền khác.

2.26 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.27 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Tổng Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.28 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh/ khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2016 VND	2015 VND
Tiền gửi ngân hàng	46.862.970.955	23.981.520.319
Các khoản tương đương tiền	207.659.627.334	103.690.261.447
	<u>254.522.598.289</u>	<u>127.671.781.766</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn gốc dưới 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định, không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền và và hưởng lãi suất bình quân từ 4% đến 6%/năm (2015: 4% đến 6%/năm).

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	2016		2015	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	12.441.644.892	12.441.644.892	1.513.022.589	1.513.022.589

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, có kỳ hạn còn lại lớn hơn ba tháng và dưới một năm tại ngày của bảng cân đối kế toán, và hưởng lãi suất dao động từ 5,5%/năm đến 5,9%/năm (2015: 5,3%/năm đến 5,5%/năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN LONG HẬU
Mẫu số B 09 – DN
4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(b) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

		2016				2015				
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị thuần VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị thuần VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị thuần VND
Đầu tư vào các công ty liên kết (i)		145.528.000.000	(20.000.000.000)	125.528.000.000	104.672.000.000	(20.000.000.000)	84.672.000.000			
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (ii)		106.305.000.000	(6.675.000.000)	99.630.000.000	107.130.000.000	(6.675.000.000)	100.455.000.000			
		<u>251.833.000.000</u>	<u>(26.675.000.000)</u>	<u>225.158.000.000</u>	<u>211.802.000.000</u>	<u>(26.675.000.000)</u>	<u>185.127.000.000</u>			

(i) Đầu tư vào công ty liên kết

		2016				2015						
		Quyền sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị thuần VND	Quyền sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị thuần VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị thuần VND
Tên công ty	Ngành nghề	Địa chỉ										
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Hòa Bình	Xây dựng	Xã Nhị Thành, Huyện Thủ Thờa, Tỉnh Long An	-	-	-	49	84.672.000.000	-	(*)			
Công ty Cổ phần Công nghệ Igreen	Công nghệ thông tin	Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	40	20.000.000.000	(*)	40	20.000.000.000	(20.000.000.000)	(*)	(20.000.000.000)		
Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh (**)	Quản lý, vận hành, duy tu và sửa chữa hệ thống chiếu sáng công cộng	121 Đường Châu Văn Liêm, Phường 14, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh	34	125.528.000.000	(*)	-	-	-	-			
			<u>145.528.000.000</u>	<u>(20.000.000.000)</u>	<u>(20.000.000.000)</u>	<u>104.672.000.000</u>	<u>(26.675.000.000)</u>	<u>(20.000.000.000)</u>	<u>(20.000.000.000)</u>	<u>(20.000.000.000)</u>		

CÔNG TY CỔ PHẦN LONG HẬU

Mẫu số B 09 – DN

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này vì đây là các khoản đầu tư tài chính dài hạn không niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(**) Theo Hợp đồng mua bán cổ phần số 113/CSCC-CPLH ngày 19 tháng 4 năm 2016, toàn bộ số lượng cổ phần của Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh ("Sapulico") sẽ không được chuyển nhượng trong vòng 5 (năm) năm kể từ ngày Sapulico được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp lần đầu (Thuyết minh 17(a)).

(ii) Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty	2016				2015			
	Quyền sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị thuần VND	Quyền sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị thuần VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định (*)	3,2	19.630.000.000	-	19.630.000.000	3,2	19.630.000.000	-	19.630.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước (*)	0,1	80.000.000.000	-	80.000.000.000	0,1	80.000.000.000	-	80.000.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Cáp Quang và Phụ kiện Việt Đức (*)	13	6.675.000.000	(6.675.000.000)	-	13	7.500.000.000	(6.675.000.000)	-
		106.305.000.000	(6.675.000.000)	99.630.000.000		107.130.000.000	(6.675.000.000)	99.630.000.000

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này vì đây là các khoản đầu tư tài chính dài hạn không niêm yết trên thị trường chứng khoán.

5 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**(a) Ngắn hạn**

	2016 VND	2015 VND
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Beton 6	81.572.626.396	96.760.454.035
Công ty Cổ phần Thái Sơn	37.368.236.327	37.368.236.327
Khác	171.645.229.326	209.354.845.218
	<u>290.586.092.049</u>	<u>343.483.535.580</u>
Bên liên quan (Thuyết minh 35(b))	8.275.000	8.730.000
	<u>290.594.367.049</u>	<u>343.492.265.580</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán lần lượt là 213.398.678.441 Đồng và 233.753.698.349 Đồng như trình bày tại Thuyết minh 8.

Công ty đã thế chấp một số khoản phải thu để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh 18).

(b) Dài hạn

	2016 VND	2015 VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Giày Viễn Thịnh	2.520.338.400	13.520.338.400
Khác	-	5.541.086.548
	<u>2.520.338.400</u>	<u>19.061.424.948</u>

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2016 VND	2015 VND
Bên thứ ba		
Trung tâm Dịch vụ Bán đấu giá An Giang	6.841.900.000	-
Công ty TNHH Koastal Eco Industries	-	4.024.200.000
Trung tâm Phát triển Quỹ đất Huyện Cần Giuộc	2.920.058.552	2.752.651.702
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Việt Long	1.693.096.747	-
Khác	3.161.221.874	2.623.329.168
	<u>14.616.277.173</u>	<u>9.400.180.870</u>

7 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	2016		2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tiền đền bù, giải tỏa (*)	126.888.518.180	-	8.921.214.545	-
Tạm ứng nhân viên	2.288.994.257	-	522.145.769	-
Khác	9.365.157.512	(245.454.545)	459.632.060	(245.454.545)
	<u>138.542.669.949</u>	<u>(245.454.545)</u>	<u>9.902.992.374</u>	<u>(245.454.545)</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tiền đền bù, giải tỏa thể hiện khoản phải thu Chi nhánh Trung tâm Phát triển Quý đất tại Huyện Cần Giuộc với số tiền là 72.140.626.971 Đồng và khoản tạm ứng cho nhân viên của Công ty với số tiền là 54.747.891.209 Đồng để thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho dự án KCN Long Hậu 3 và Khu Công nghiệp Hiệp Phước - Giai đoạn 3, một dự án mà Công ty TNHH Một Thành viên Phát triển Công nghiệp Tân Thuận đang đầu tư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư các khoản phải thu ngắn hạn khác đã quá hạn thanh toán là 245.454.545 Đồng như trình bày tại Thuyết minh 8.



CÔNG TY CỔ PHẦN LONG HẬU

Mẫu số B 09 – DN

8 NỢ PHẢI THU QUÁ HẠN

	2016			2015		
	Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi VND	Số ngày quá hạn Ngày	Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi VND	Số ngày quá hạn Ngày
(a) Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán – Nợ gốc						
(i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng						
Công ty Cổ phần Beton 6	67.234.655.998	67.234.655.998	- Trên 3 năm	79.126.981.817	79.126.981.817	- Trên 2 năm
Công ty Cổ phần Thái Sơn	36.870.990.719	36.870.990.719	- Trên 3 năm	36.870.990.719	36.870.990.719	- Trên 3 năm
Công ty TNHH Một Thành viên Vina Pride Seafoods	35.661.550.080	35.661.550.080	- Trên 1 năm	35.661.550.080	35.661.550.080	- Trên 6 tháng
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Investco	30.614.374.036	30.614.374.036	- Trên 2 năm	30.614.374.036	30.614.374.036	- Trên 1 năm
Khác	43.017.107.608	43.017.107.608	Từ 6 tháng đến 3 năm	51.479.801.697	51.479.801.697	Từ 6 tháng đến 2 năm
	213.398.678.441	213.398.678.441		233.753.698.349	233.753.698.349	
(ii) Phải thu về cho vay dài hạn						
Công ty Cổ phần Igreen	5.000.000.000	5.000.000.000	Trên 3 năm	5.000.000.000	5.000.000.000	Trên 3 năm
	218.398.678.441	218.398.678.441		238.753.698.349	238.753.698.349	

Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty có thể tìm được khách hàng thuê mới trong tương lai để thay thế cho các khách hàng trên nên Công ty không trích lập dự phòng cho các khoản nợ gốc này.



CÔNG TY CỔ PHẦN LONG HẬU

Mẫu số B 09 – DN

8 NỢ PHẢI THU QUÁ HẠN (tiếp theo)

	2016				2015			
	Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi VND	Dự phòng VND	Số ngày quá hạn Ngày	Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi VND	Dự phòng VND	Số ngày quá hạn Ngày
(b) Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán – Lãi trả chậm								
(i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng								
Công ty Cổ phần Beton 6	17.633.472.218	-	(17.633.472.218)	Trên 3 năm	17.633.472.218	-	-	Trên 2 năm
Công ty Cổ phần Thái Sơn	3.105.069.107	-	(3.105.069.107)	Trên 3 năm	3.105.069.107	-	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Cầu trục và Thiết bị MR	494.093.224	-	(494.093.224)	Trên 3 năm	494.093.224	-	-	Trên 2 năm
Công ty TNHH Thương Mại Đầu Tư Đìnhc	3.382.504.316	-	(3.382.504.316)	Trên 3 năm	3.382.504.316	-	-	Trên 3 năm
	24.615.138.865	-	(24.615.138.865)		24.615.138.865	-	-	
(ii) Phải thu về cho vay dài hạn								
Công ty Cổ phần Igreen	245.454.545	-	(245.454.545)	Trên 3 năm	245.454.545	-	(245.454.545)	Trên 3 năm
	24.860.593.410	-	(24.860.593.410)		24.860.593.428	-	(245.454.545)	

9 HÀNG TỒN KHO

	2016		2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí phát triển Khu Công nghiệp và Khu dân cư - tái định cư (*)	204.647.551.697	-	268.443.013.066	-
Thành phẩm	11.411.704.140	-	8.700.159.419	-
Nguyên liệu, vật liệu	240.044.071	-	144.295.781	-
	<u>216.299.299.908</u>	<u>-</u>	<u>277.287.468.266</u>	<u>-</u>

(*) Chi phí phát triển Khu Công nghiệp và Khu dân cư - tái định cư bao gồm chi phí đền bù và chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng của các dự án sau:

	2016 VND	2015 VND
KCN Long Hậu 1	41.310.912.895	51.242.052.628
KCN Long Hậu Mở rộng (*)	69.260.590.585	122.955.404.336
KCN Long Hậu 3	28.482.820.273	26.227.144.772
Khu chuyên gia chuyển đổi thuộc Khu dân cư	25.540.807.177	25.473.427.255
Khu dân cư	40.052.420.767	42.544.984.075
	<u>204.647.551.697</u>	<u>268.443.013.066</u>

(*) Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản từ dự án KCN Long Hậu Mở rộng để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Công ty tại ngân hàng (Thuyết minh 18).

CÔNG TY CỔ PHẦN LONG HẬU

Mẫu số B 09 – DN

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	61.292.492.253	5.958.553.036	14.015.428.818	843.617.929	1.700.425.016	83.810.517.052
Mua trong năm	593.041.568	399.312.986	1.300.000.000	-	-	2.292.354.554
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	-	-	-	67.985.455	-	67.985.455
Thanh lý, nhượng bán	(127.007.273)	-	(2.471.267.000)	(51.162.652)	-	(2.649.436.925)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	61.758.526.548	6.357.866.022	12.844.161.818	860.440.732	1.700.425.016	83.521.420.136
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	16.324.769.745	3.652.360.324	9.644.279.997	813.892.384	499.310.724	30.934.613.174
Khấu hao trong năm	2.844.229.804	680.924.331	1.116.341.519	6.227.615	242.917.860	4.890.641.129
Thanh lý, nhượng bán	(127.007.273)	-	(1.176.725.127)	(51.162.652)	-	(1.354.895.052)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	19.041.992.276	4.333.284.655	9.583.896.389	768.957.347	742.228.584	34.470.359.251
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	44.967.722.508	2.306.192.712	4.371.148.821	29.725.545	1.201.114.292	52.875.903.878
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	42.716.534.272	2.024.581.367	3.260.265.429	91.483.385	958.196.432	49.051.060.885

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 16.680.080.851 Đồng (2015: 9.823.918.001 Đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tài sản cố định hữu hình của Công ty với tổng giá trị còn lại là 25.549.360.995 Đồng (2015: 26.515.597.261 Đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng dài hạn của Công ty (Thuyết minh 18).

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)**(b) Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính, bản quyền VND	Giấy phép nhượng quyền VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2016	237.800.000	893.971.298	181.818.182	1.313.589.480
Khấu hao lũy kế				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	154.569.986	748.365.971	40.404.048	943.340.005
Khấu hao trong năm	23.780.004	88.931.340	20.202.024	132.913.368
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	178.349.990	837.297.311	60.606.072	1.076.253.373
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	83.230.014	145.605.327	141.414.134	370.249.475
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	59.450.010	56.673.987	121.212.110	237.336.107

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng 546.981.298 Đồng (2015: 546.981.298 Đồng).

11 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà xưởng VND	Khu lưu trú VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	194.874.233.629	190.833.450.127	385.707.683.756
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dờ dang (Thuyết minh 12)	18.207.649.533	-	18.207.649.533
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	213.081.883.162	190.833.450.127	403.915.333.289
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	54.749.607.056	33.855.669.290	88.605.276.346
Khấu hao trong năm	14.046.915.389	7.653.406.080	21.700.321.469
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	68.796.522.445	41.509.075.370	110.305.597.815
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	140.124.626.573	156.977.780.837	297.102.407.410
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	144.285.360.717	149.324.374.757	293.609.735.474

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, bất động sản đầu tư của Công ty với tổng giá trị còn lại là 168.540.812.010 Đồng (2015: 165.093.468.036 Đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng dài hạn của Công ty (Thuyết minh 18).

11 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Trong năm 2016, doanh thu phát sinh từ bất động sản là 59.669.013.531 Đồng (2015: 55.800.041.785 Đồng).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Tuy nhiên, dựa trên tỷ lệ cho thuê của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

12 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2016 VND	2015 VND
Những công trình lớn:		
Dự án nhà máy nước	42.484.150.765	42.484.150.765
Hệ thống cấp nước	7.545.515.419	7.316.205.402
Khác	999.281.636	179.545.455
	<u>51.028.947.820</u>	<u>49.979.901.622</u>

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	49.979.901.622	50.507.542.329
Mua mới	19.324.681.186	2.849.270.064
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 10(a))	(67.985.455)	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư (Thuyết minh 11)	(18.207.649.533)	(1.419.741.648)
Chuyển sang chi phí trả trước	-	(799.579.123)
Giảm khác	-	(1.157.590.000)
	<u>51.028.947.820</u>	<u>49.979.901.622</u>

13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2016 VND	2015 VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Việt Long	6.403.421.452	6.304.570.953
Khác	3.073.857.192	2.685.391.211
Bên liên quan (Thuyết minh 35(b))	1.835.025.075	1.837.042.075
	<u>11.312.303.719</u>	<u>10.827.004.239</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2015, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có khả năng thanh toán các khoản phải trả người bán ngắn hạn trên và không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào quá hạn chưa thanh toán.

14 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	2016	2015
	VND	VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Hoàng Sơn Fly Ash and Cement	21.816.655.630	-
Công ty TNHH Một Thành viên Choung Hwa Vina	10.097.233.200	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm GN	8.499.940.085	-
Công ty TNHH Một Thành viên Kaise Việt Nam	-	7.862.400.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Phân bón Bình Điền II	-	5.430.456.818
Công ty TNHH Sản xuất Xây dựng Thương mại Ứng Thành	-	5.197.584.866
Khác	36.413.240.743	4.634.865.475
	<u>76.827.069.658</u>	<u>23.125.307.159</u>

15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	2016	2015
	VND	VND
Thuế GTGT	6.622.227.451	5.160.378.909
Thuế thu nhập cá nhân	196.579.687	129.617.435
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	1.520.393.691	1.520.393.691
Khác	700.615.262	59.530.901
	<u>9.039.816.091</u>	<u>6.869.920.936</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LONG HẬU

Mẫu số B 09 – DN

15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

Tình hình biến động trong năm của thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà Nước như sau:

	Tại ngày 1.1. 2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Cán trừ với thuế GTGT đầu vào VND	Tại ngày 31.12. 2016 VND
Thuế GTGT	5.160.378.909	67.276.247.996	(44.708.415.795)	(21.105.983.659)	6.622.227.451
Thuế thu nhập cá nhân	129.617.435	3.236.054.019	(3.169.091.767)	-	196.579.687
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	1.520.393.691	-	-	-	1.520.393.691
Tiền thuế đất	-	73.342.625.000	(73.342.625.000)	-	-
Thuế khác	59.530.901	1.584.958.806	(943.874.445)	-	700.615.262
	<u>6.869.920.936</u>	<u>145.439.885.821</u>	<u>(122.164.007.007)</u>	<u>(21.105.983.659)</u>	<u>9.039.816.091</u>

16 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2016 VND	2015 VND (Trình bày lại – Thuyết minh 40)
Chi phí ước tính phát sinh thêm để hoàn thành cơ sở hạ tầng phân bổ cho các khu đất đã được cho thuê của KCN Long Hậu 1 và KCN Long Hậu Mở rộng	181.457.516.911	169.206.791.599
Chi phí ước tính phát sinh thêm để hoàn thành cơ sở hạ tầng phân bổ cho các khu đất đã bán của Khu dân cư	20.724.943.045	20.984.795.567
Tiền thuê đất (*)	145.435.624.614	201.105.418.490
Khác	16.514.987.697	10.919.242.635
	<u>364.133.072.267</u>	<u>402.216.248.291</u>

(*) Đây là tiền thuê đất ước tính phải nộp của các Hợp đồng thuê lại đất KCN Long Hậu 1 và KCN Long Hậu 2 cho Cơ quan nhà nước, chủ yếu phát sinh từ doanh thu kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp đã ghi nhận doanh thu một lần từ trước năm 2014 mà Công ty đã trình bày điều chỉnh lại báo cáo tài chính tại Thuyết minh 40.

17 PHẢI TRẢ KHÁC

(a) Ngắn hạn

	2016 VND	2015 VND
Tiền đền bù đất phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh 35(b))	8.994.165.073	8.994.165.073
Đặt cọc đã nhận từ cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng	17.015.985.707	20.279.383.631
Tiền đặt cọc ngắn hạn đã nhận	11.735.226.553	2.316.511.993
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 22)	927.637.900	1.133.376.600
Khác	8.604.217.754	3.268.800.450
	<u>47.277.232.987</u>	<u>35.992.237.747</u>

(b) Dài hạn

	2016 VND	2015 VND
Nhận ký quỹ, ký cược về cho thuê nhà xưởng	32.022.857.688	23.622.732.174
Phải trả cho cá nhân (*)	22.834.500.000	-
Khác	-	1.891.249.373
	<u>54.857.357.688</u>	<u>25.513.981.547</u>

17 PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)**(b) Dài hạn (tiếp theo)**

(*) Vào ngày 12 tháng 4 năm 2016, Công ty đã ký thỏa thuận hợp tác đầu tư với nhân để mua 9.656.000 cổ phần, tương đương 34% vốn điều lệ của Sapulico. Theo đó, Công ty góp 102.693.500.000 Đồng, tương ứng 7.899.500 cổ phần và cá nhân góp 22.834.500.000 Đồng tương ứng 1.756.500 cổ phần. Đồng thời, Công ty thay mặt cá nhân toàn quyền thực hiện đầy đủ trách nhiệm và quyền của cổ đông sở hữu cổ phần Sapulico đối với 1.756.500 cổ phần sở hữu của cá nhân nói trên.

Toàn bộ số cổ phần hợp tác đầu tư nói trên hạn chế chuyển nhượng trong vòng 5 năm như được trình bày tại Thuyết minh 4(b). Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn thời gian hạn chế chuyển nhượng, Công ty sẽ thực hiện các thủ tục pháp lý để hoàn tất việc chuyển quyền sở hữu 1.756.500 cổ phần cho cá nhân nói trên.

18 CÁC KHOẢN VAY

	Tại ngày 1.1.2016 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 31.12.2016 VND
Vay dài hạn ngân hàng				
Vay dài hạn đến hạn trả	87.030.452.985	20.600.000.000	(86.030.452.985)	21.600.000.000
Vay dài hạn	48.140.000.000	23.000.000.000	(21.600.000.000)	49.540.000.000
	<u>135.170.452.985</u>	<u>43.600.000.000</u>	<u>(107.630.452.985)</u>	<u>71.140.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LONG HẬU**Mẫu số B 09 – DN****18 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)**

Các khoản vay dài hạn ngân hàng của Công ty nhằm phục vụ cho nhu cầu bổ sung vốn phát triển khu công nghiệp, khu điều hành và khu lưu trú. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Ngày đến hạn	Lãi suất/năm	Tài sản thế chấp	2016 VND	2015 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	Ngày 29 tháng 7 năm 2016	10,4%	Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ dự án KCN Long Hậu Mở rộng	-	20.381.452.985
	Ngày 15 tháng 12 năm 2016	10%	Các khoản phải thu, cổ phiếu và quyền sở hữu công trình nhà điều hành	-	31.700.000.000
	Ngày 15 tháng 12 năm 2019	6,9% lãi suất huy động tiền gửi áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng, cộng với lãi suất biến 3,5%	Quyền sử dụng khu nhà xưởng lò B mở rộng, quyền sử dụng đất	-	-
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Long An	Ngày 20 tháng 11 năm 2016	6,9%	Dự án Khu lưu trú thuộc KCN Long Hậu Mở rộng	12.640.000.000	16.640.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nhà Bè	Ngày 5 tháng 5 năm 2019	10%	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành từ vốn vay	-	15.949.000.000
Quý bảo vệ Môi trường Việt Nam	Ngày 15 tháng 3 năm 2023	3,6%	Khoản vay được đảm bảo bằng thư bảo lãnh của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	50.500.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Sài Gòn	Ngày 8 tháng 11 năm 2023	7,5% áp dụng trong 12 tháng đầu tiên, sau đó cộng với lãi suất biến 2,5%	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản được hình thành từ vốn vay và vốn tự có của doanh nghiệp là nhà xưởng xây sẵn lô S (S10&S11) thuộc KCN Long Hậu	14.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	Ngày 5 tháng 5 năm 2019	8% cộng với lãi suất biến 2,5%	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai	9.000.000.000	-
				35.500.000.000	-
				71.140.000.000	135.170.452.985

19 THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và khi thuế thu nhập hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế.

Chi tiết của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả như sau:

	2016 VND	2015 VND (Trình bày lại – Thuyết minh 40)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả sau 12 tháng	205.747.918.478	173.510.127.068
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong vòng 12 tháng	3.640.673.838	3.912.032.974
	<u>209.388.592.316</u>	<u>177.422.060.042</u>

	2016 VND	2015 VND (Trình bày lại – Thuyết minh 40)
Các khoản chênh lệch tạm thời (*)	<u>209.388.592.316</u>	<u>177.422.060.042</u>

(*) Các khoản chênh lệch tạm thời chủ yếu là thu nhập từ doanh thu đã ghi nhận một lần nhưng phân bổ đều cho mục đích tính thuế theo thời gian cho thuê đất nền.

Biến động của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả như sau:

	2016 VND	2015 VND (Trình bày lại – Thuyết minh 40)
Số dư đầu năm	177.422.060.042	214.596.814.416
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh 33)	31.966.532.274	(37.174.754.374)
Số dư cuối năm	<u>209.388.592.316</u>	<u>177.422.060.042</u>

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả năm 2016 là 20% (2015: 20%).

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cân trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

19 THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI (tiếp theo)

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính.

Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Năm phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Số lỗ phát sinh VND	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng trước năm 2016 VND	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng trong năm 2016 VND	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau VND
2009	Đã quyết toán	4.815.611.968	4.815.611.968	-	-
2010	Đã quyết toán	21.314.848.162	21.314.848.162	-	-
2011	Đã quyết toán	23.422.966.533	23.422.966.533	-	-
2012	Đã quyết toán	8.264.994.215	-	8.264.994.215	-
2013	Đã quyết toán	22.250.927.637	-	22.250.927.637	-
2014	Đã quyết toán	45.891.830.000	-	39.847.062.364	6.044.767.636
2015	Đã quyết toán	-	-	-	-

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trên.

20 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2016		2015	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký	26.082.627	-	26.082.627	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	26.082.627	-	26.082.627	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	(72.198)	-	(72.198)	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.010.429	-	26.010.429	-

20 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2016		2015	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty TNHH Một Thành viên Phát triển Công nghiệp Tân Thuận	13.015.229	49,9	11.855.409	45
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phú Việt	1.380.706	5	2.130.951	8
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung	1.300.000	5	-	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vận tải Minh Phúc	5	0	1.356.297	5
Khác	10.386.687	40,1	10.739.971	42
	<u>26.082.627</u>	<u>100</u>	<u>26.082.627</u>	<u>100</u>

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu (theo đơn vị 1.000)	Cổ phiếu thường VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	26.082.627	260.826.270.000
Cổ phiếu mới phát hành	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	26.082.627	260.826.270.000
Cổ phiếu mới phát hành	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>26.082.627</u>	<u>260.826.270.000</u>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

CÔNG TY CỔ PHẦN LONG HẬU

Mẫu số B 09 – DN

21 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Trình bày lại – Thuyết minh 40) VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 (Trình bày lại – Thuyết minh 40)	260.826.270.000	(721.980.000)	79.295.744.256	165.749.985.540	505.150.019.796
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	69.596.118.997	69.596.118.997
Chia cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	(20.808.343.200)	(20.808.343.200)
Trích khen thưởng Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị	-	-	-	(2.642.896.488)	(2.642.896.488)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.006.817.709)	(1.006.817.709)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Trình bày lại – Thuyết minh 40)	260.826.270.000	(721.980.000)	79.295.744.256	210.888.047.140	550.288.081.396
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	165.481.941.783	165.481.941.783
Chia cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	(39.015.643.500)	(39.015.643.500)
Trích khen thưởng Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị	-	-	-	(3.479.805.950)	(3.479.805.950)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.131.825.355)	(3.131.825.355)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	260.826.270.000	(721.980.000)	79.295.744.256	330.742.714.118	670.142.748.374

172
16
15
14
13
12
11
10
9
8
7
6
5
4
3
2
1

22 CỔ TỨC

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	1.133.376.600	27.044.880.900
Cổ tức phải trả trong năm (Thuyết minh 21)	39.015.643.500	20.808.343.200
Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(39.221.382.200)	(46.719.847.500)
Số dư cuối năm (Thuyết minh 17(a))	<u>927.637.900</u>	<u>1.133.376.600</u>

23 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	2016	2015
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	165.481.941.783	69.596.118.997
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	(6.400.996.887)
	<u>165.481.941.783</u>	<u>63.195.122.110</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	<u>26.010.429</u>	<u>26.010.429</u>
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>6.362</u>	<u>2.430</u>

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính 2015 được cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông số 001/2016/NQ-LHC-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 3 năm 2016.

Trong năm 2016, Công ty chưa trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2016 do kế hoạch phân phối lợi nhuận cho năm tài chính 2016 chưa được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2015 đã được tính lại theo Thông tư 200/2014/TT-BTC như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015		
	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	69.596.118.997	(6.400.996.887)	63.195.122.110
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	<u>26.010.429</u>	<u>-</u>	<u>26.010.429</u>
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>2.676</u>	<u>(246)</u>	<u>2.430</u>

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này.

24 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngoại tệ các loại**

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 851.173,57 Đô la Mỹ (2015: 515.783,25 Đô la Mỹ).

25 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2016 VND	2015 VND
Doanh thu gộp		
Doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng (*)	481.521.553.888	184.798.314.156
Doanh thu cho thuê văn phòng, nhà xưởng và khu lưu trú	61.791.996.172	55.800.041.785
Doanh thu bán đất nền Khu dân cư	7.577.992.151	11.613.528.625
Khác	58.235.907.652	46.264.157.503
	<u>609.127.449.863</u>	<u>298.476.042.069</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	(721.923.421)	-
Hàng bán bị trả lại	(128.180.429.464)	(66.248.220.352)
	<u>(128.902.352.885)</u>	<u>(66.248.220.352)</u>
Doanh thu thuần	<u><u>480.225.096.978</u></u>	<u><u>232.227.821.717</u></u>

(*) Doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng được ghi nhận theo chính sách kế toán tại Thuyết minh 2.19.

Nếu doanh thu này được ghi nhận theo phương pháp phân bổ dần theo thời gian cho thuê thì doanh thu và lợi nhuận sẽ giảm đi tương ứng là 363.296.177.945 Đồng và 149.750.915.705 Đồng (2015: 105.941.386.222 Đồng và 64.767.028.956).

26 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2016 VND	2015 VND
Giá vốn cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng	114.466.365.196	63.390.393.053
Giá vốn cho thuê văn phòng, nhà xưởng và khu lưu trú	31.267.146.317	30.464.610.756
Giá vốn bán đất nền Khu dân cư	3.273.570.200	6.658.971.343
Khác	57.866.706.938	31.339.745.545
	<u>206.873.788.651</u>	<u>131.853.720.697</u>

27 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền gửi	7.124.117.261	2.238.018.128
Lãi từ thoái vốn khoản đầu tư vào công ty liên kết	10.888.819.444	-
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	3.675.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	69.439.235	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	169.461.128	-
Khác	730.622.780	844.003.415
	<u>18.982.459.848</u>	<u>6.757.021.543</u>

28 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền vay	7.575.744.478	17.001.982.989
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư và tổn thất đầu tư	-	1.936.607.689
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	894.784.997	640.075.570
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	-	396.942.964
Khác	404.767.204	1.539.420.924
	<u>8.875.296.679</u>	<u>21.515.030.136</u>

29 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2016 VND	2015 VND
Chi phí môi giới	11.601.258.141	4.760.808.714
Chi phí quảng cáo	3.250.044.392	2.092.878.077
Khác	315.781.595	1.459.306.255
	<u>15.167.084.128</u>	<u>8.312.993.046</u>

30 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân công	29.744.132.346	24.603.844.877
Chi phí khấu hao	3.119.946.066	4.089.580.502
Chi phí dự phòng	24.615.138.865	5.245.454.545
Khác	16.311.393.182	9.774.055.766
	<u>73.790.610.459</u>	<u>43.712.935.690</u>

31 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	2016 VND	2015 VND
Thu nhập khác		
Phạt vi phạm hợp đồng	1.094.850.536	287.332.954
Thu nhập từ giới thiệu thông tin bán hàng	1.888.152.645	864.005.917
Lợi nhuận từ thanh lý tài sản cố định	223.958.127	-
Khác	2.166.986.905	557.813.744
	<u>5.373.948.213</u>	<u>1.709.152.615</u>
Chi phí khác		
Chi phí giới thiệu thông tin bán hàng	(1.059.703.667)	(518.403.551)
Khác	(1.366.547.398)	(664.940.025)
	<u>(2.426.251.065)</u>	<u>(1.183.343.576)</u>
	<u>2.947.697.148</u>	<u>525.809.039</u>

32 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	664.873.671	566.781.702
Chi phí nhân công	37.039.350.820	30.769.159.345
Chi phí khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư	26.723.875.966	27.185.099.818
Chi phí dịch vụ mua ngoài	182.278.968.967	162.558.015.177
Các chi phí khác bằng tiền	37.793.134.0128	40.397.190.749
Chi phí dự phòng	24.615.138.865	5.245.454.545
	<u>309.115.342.301</u>	<u>266.721.701.336</u>

33 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 50221000001 ngày 1 tháng 12 năm 2006 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Long An cấp để phát triển Khu Công nghiệp Long Hậu 1 và cho thuê đất lại đất, Khu Công nghiệp Long Hậu 1 được hưởng các ưu đãi thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("Thuế TNDN") như sau:

- (i) 10% trong vòng 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh (từ năm 2007);
- (ii) Miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp tròn 9 năm tiếp theo.

Đối với các lĩnh vực kinh doanh khác thuộc Khu Công nghiệp Long Hậu 1 này, Công ty được miễn thuế TNDN trong 2 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được giảm 50% thuế TNDN trong 6 năm tiếp theo.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN theo mức thuế suất phổ thông cho các dự án khác.

33 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông như sau:

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	197.448.474.057	34.115.972.730
Thuế tính ở thuế suất 20% (2015: 22%)	39.489.694.811	7.505.514.001
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	-	(808.500.000)
Chi phí không được khấu trừ	7.909.041.801	1.455.081.427
Lỗ tính thuế đã được sử dụng	(7.250.240.291)	-
Ảnh hưởng của doanh thu và giá vốn đã ghi nhận một lần nhưng được phân bổ đều theo thời gian cho thuê để tính thuế	(2.126.782.493)	(42.360.680.273)
Thuế được miễn giảm	(6.055.181.554)	(1.271.561.421)
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>31.966.532.274</u>	<u>(35.480.146.267)</u>
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	-	1.694.608.107
Thuế TNDN - hoãn lại (**) (Thuyết minh 19)	31.966.532.274	(37.174.754.374)
	<u>31.966.532.274</u>	<u>(35.480.146.267)</u>

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

(**) Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm từ các khoản chênh lệch tạm thời do ảnh hưởng của lợi nhuận gộp đã ghi nhận nhưng chịu thuế theo thời gian còn lại của đất cho thuê.

34 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (“BCLCTT”)**(a) Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT**

	2016 VND	2015 VND
Mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác chưa thanh toán	10.677.902.008	3.364.699.064

(b) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	2016 VND	2015 VND
Vay theo kế ước thông thường	23.000.000.000	16.640.000.000

(c) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	2016 VND	2015 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	87.030.452.985	119.672.514.809

35 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Cổ đông lớn nhất của Công ty là Công ty TNHH Một Thành viên Phát triển Công nghiệp Tân Thuận, sở hữu 49,9% vốn cổ phần của Công ty.

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

i) Tiền lãi hợp tác đầu tư

	2016 VND	2015 VND
Công ty TNHH Một Thành viên Phát triển Công nghiệp Tân Thuận	-	1.539.420.924

35 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2016 VND	2015 VND
iii) Bán nước sạch		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hạ tầng Hòa Bình	-	9.341.820
iv) Cổ tức được chia		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hạ tầng Hòa Bình	-	7.350.000.000
v) Cung cấp dịch vụ khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hạ tầng Hòa Bình	-	864.005.917
vi) Đầu tư vào công ty liên kết		
Công ty TNHH Một Thành viên Chiếu sáng Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh	125.528.000.000	-
vii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Ban Tổng Giám đốc	4.756.063.580	3.247.887.969
Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	2.806.569.649	998.652.227
	<u>7.562.633.229</u>	<u>4.246.540.196</u>

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2016 VND	2015 VND
Phải thu khách hàng (Thuyết minh 5(a))		
Công ty TNHH Một Thành viên Phát triển Công nghiệp Tân Thuận	8.275.000	8.730.000
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Igreen	245.454.545	245.454.545

35 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)**

	2016 VND	2015 VND
Phải thu về cho vay dài hạn		
Công ty Cổ phần Igreen	5.000.000.000	5.000.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 13)		
Công ty TNHH Một Thành viên Phát triển Công nghiệp Tân Thuận	1.835.025.075	1.835.025.075
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hạ tầng Hòa Bình	-	2.017.000
	<u>1.835.025.075</u>	<u>1.837.042.075</u>
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 17)		
Công ty TNHH Một Thành viên Phát triển Công nghiệp Tân Thuận	8.994.165.073	8.994.165.073

36 CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định, bất động sản đầu tư và hàng tồn kho đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	2016 VND	2015 VND
Xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng	21.268.074.338	22.803.800.000
Giải phóng mặt bằng	-	3.963.010.100
	<u>21.268.074.338</u>	<u>26.766.810.100</u>

37 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty ký hợp đồng các hợp đồng thuê đất tại xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An để sử dụng vào mục đích đầu tư cơ sở hạ tầng của khu công nghiệp và cho thuê lại với Nhà nước cho từ năm 2006 đến năm 2059. Diện tích khu đất thuê là 245,5 ha. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành.

38 BẢO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là xây dựng cơ sở hạ tầng cho khu công nghiệp, khu dân cư – tái định cư và cho thuê lại đất đã phát triển cơ sở hạ tầng và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tại xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An, Việt Nam. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ sinh lời của Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty nhận định rằng Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không trình bày.

39 CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo Nghị Quyết 05/2017/NQ-LHC-HĐQT ngày 1 tháng 3 năm 2017, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt phương án đăng ký phát hành 23.929.595 cổ phiếu (trong đó, 1.300.521 cổ phiếu theo Chương trình phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (“Chương trình ESOP”) và 22.629.074 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu) để tăng vốn điều lệ từ 260.826.270.000 Đồng lên 500.122.220.000 Đồng.

40 TRÌNH BÀY LẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC

Trước năm 2014, Công ty áp dụng Luật Đất đai số 13/2009/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003 để thực hiện việc thuê đất và cho thuê lại đất. Theo đó, Công ty cho thuê lại đất và ghi nhận một lần doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng ở KCN Long Hậu 1 và Long Hậu 2. Tuy nhiên, giá vốn được ghi nhận theo giá dự toán chưa bao gồm tiền thuê đất phải nộp tương ứng với doanh thu trên.

Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung, việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải phù hợp với nhau. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Như vậy, việc ghi nhận giá vốn cho giai đoạn trước năm 2014 chưa bao gồm tiền thuê đất là không phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 01.

Theo Luật Đất đai số 45/2013/QH2013 ngày 1 tháng 7 năm 2014 do Quốc hội ban hành, Công ty có nghĩa vụ nộp chi phí thuê đất cho Nhà nước một lần cho cả thời gian thuê của toàn bộ doanh thu cho thuê đất đã đề cập ở trên. Số tiền thuê đất này sẽ được tính theo đơn giá thuê đất theo quy định hiện hành.

Công ty đã thực hiện ghi nhận tiền thuê đất phải nộp bổ sung vào giá vốn đã ghi nhận doanh thu trước năm 2014 và trình bày lại một số khoản mục trên các báo cáo tài chính cho các năm.

Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày năm nay.

40 TRÌNH BÀY LẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC

Ảnh hưởng của bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Mã số	Khoản mục	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015		
		Theo báo cáo trước đây VND	Trình bày lại VND	Số liệu trình bày lại VND
300	NỢ PHẢI TRẢ	694.807.351.675	133.718.172.594	828.525.524.269
310	Nợ ngắn hạn	411.931.907.004	164.399.285.540	576.331.192.544
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	237.816.962.751	164.399.285.540	402.216.248.291
330	Nợ dài hạn	282.875.444.671	(30.681.112.946)	252.194.331.725
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	208.103.172.988	(30.681.112.946)	177.422.060.042
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU	684.006.253.990	(133.718.172.594)	550.288.081.396
410	Vốn chủ sở hữu	684.006.253.990	(133.718.172.594)	550.288.081.396
421	LNST chưa phân phối	344.606.219.734	(133.718.172.594)	210.888.047.140
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	275.010.100.737	(133.718.172.594)	141.291.928.143



Nguyễn Tấn Phong
Người lập



Phạm Thị Như Anh
Kế toán trưởng



Trần Hồng Sơn
Tổng Giám đốc
Ngày 21 tháng 3 năm 2017